TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **121**/2019/HNGĐ-ST;
Ngày: 12-9-2019.
Vv tranh chấp: Xin ly hôn, tranh chấp con chung và cấp dưỡng nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Mai Thị Mỹ Trang**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Từ Ngọc Viễn**;

2. Bà **Phan Thị Đẹp**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tuấn Tín**, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho;

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phi Yến** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 354/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Ngọc D**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: số 724 ấp L, xã Đ, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Phạm Võ Trung T**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: số 724 ấp L, xã Đ, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

(Chị D có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai ngày 28 tháng 5 năm 2019 và các lời trình bày tại tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Chị và anh Phạm Võ Trung T tự nguyện cưới nhau vào năm 2007 và có đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Chợ Gạo. Sau khi cưới, chị và T sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống không khắc phục được. Anh T thường xuyên ghen tuông vô cớ và những lời nói xúc phạm chị. Chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Vợ chồng thường xuyên cải vã, lời qua tiếng lại làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, không thể hàn gắn được nữa. Nay chị yêu cầu xin ly hôn với anh Phạm Võ Trung T.

Về con chung: Chị và anh Thành có một con chung tên Phạm Nguyễn Bảo T sinh ngày 13/11/2007. Hiện nay, cháu T đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T và không yêu cầu anh Thành cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Phạm Võ Trung T đã được Tòa tống đạt hợp lệ nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do và không gởi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát cho rằng, chị D không còn tình cảm với anh T, hiện cả hai không còn chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D. Về con chung: Chị D yêu cầu được nuôi con chung tên Phạm Nguyễn Bảo T sinh ngày 13/11/2007 và cháu T có nguyện vọng muốn được sống với chị D. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị D về con chung. Về tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị D và anh T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện Chợ Gạo theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 092 ngày 23/8/2007 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Đối với bị đơn anh Phạm Võ Trung T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Thành.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Dung, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị D xin ly hôn với anh T vì cho rằng cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không chăm lo cho gia đình. Anh T hay ghen tuông vô cớ và có những lời nói xúc phạm chị. Chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Nay xét thấy vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên chị cương quyết xin ly hôn với anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh T nhiều lần nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do và không gởi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh T là có thật nhưng anh chị không khắc phục được để kéo dài làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng nên không còn khả năng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị D trình bày, chị và anh T có một con chung tên Phạm Nguyễn Bảo T sinh ngày 13/11/2007. Hiện nay, cháu T đang sống với chị. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy yêu cầu của chị D là có cơ sở bởi vì phù hợp với nguyện vọng của cháu T mong muốn được sống với chị D và nhằm giúp cho cháu T ổn định tâm lý và cuộc sống. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D về việc giao cháu T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận việc chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016, chị D phải chịu án phí án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ khoản Điều 28, Điều 35, Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc D.

Chị Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với anh Phạm Võ Trung T.

Về con chung: Giao con chung tên Phạm Nguyễn Bảo T sinh ngày 13/11/2007 cho chị Nguyễn Thị Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Võ Trung T không cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã tạm nộp theo biên lai số 0014314 ngày 28/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho nên chị D đã nộp xong án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự../.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

MAI THỊ MỸ TRANG

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG ;
- VKSND Tp Mỹ Tho;
- Chi cục THADS Tp. Mỹ Tho;
- UBND xã L, Tp Mỹ Tho;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự.

Võ Thị Kim Loan